

HỖ TRỢ NÔNG DÂN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Nguyễn Quốc Thái*

Ngày nhận: 8/02/2015

Ngày nhận bản sửa: 19/02/2015

Ngày duyệt đăng: 25/02/2015

Tóm tắt:

Với việc Việt Nam đẩy mạnh phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng, nông dân nước ta có thêm nhiều cơ hội phát triển, nhờ đó nhiều lĩnh vực sản xuất nông nghiệp đã có những khởi sắc. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực đạt được, nông dân Việt Nam hiện phải đối mặt với không ít vấn đề gay gắt. Bài viết tập trung làm rõ những vấn đề đó, nguyên nhân và tìm giải pháp hữu hiệu hỗ trợ nông dân tháo gỡ chúng nhằm thúc đẩy nông nghiệp tiếp tục phát triển, góp phần thực hiện hiệu quả công cuộc xóa đói, giảm nghèo, giữ vững ổn định chính trị, xã hội ở nông thôn cũng như trong nước nói chung.

Từ khóa: Hỗ trợ, nông dân, nông nghiệp, sản xuất.

Supporting farmers in agricultural development

Abstract:

Thanks to promoting international integration and the market economy development more deeply, Vietnamese farmers have more opportunities to develop and many areas of agricultural production have prospered. Apart from the positive achievements, however, farmers are facing many problems. This article focuses on the issues, causes and solutions to support farmers to extricate them from difficulties in order to promote agriculture to grow continually and contribute to the implementation of the hunger eradication and poverty reduction, political stability, economic development in rural areas as well as in the overall country.

Keywords: Support, farmers, agriculture, produce

1. Đặt vấn đề

Phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế là quá trình tất yếu đối với nền kinh tế Việt Nam, trong đó có lĩnh vực nông nghiệp. Trong bối cảnh đó, nông dân nước ta có thêm nhiều cơ hội phát triển, nhưng cũng phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức. Bên cạnh những cơ hội mở rộng thị trường nông sản, thu hút thêm đầu tư... người nông dân phải đối mặt với cạnh tranh ngày càng gay gắt hơn, và với các đối thủ mạnh hơn ngay ở thị trường nội địa trong khi sản xuất nông nghiệp trong nước mang tính nhỏ lẻ, manh mún, trình độ sản xuất

còn rất thấp kém... Trong điều kiện đó, nguy cơ thua thiệt trong cạnh tranh dẫn đến mất thị trường, mất việc làm và thu nhập... đối với một bộ phận không nhỏ nông dân là rất lớn.

Bên cạnh đó, ở nước ta nông dân là bộ phận xã hội to lớn, chiếm gần 70% dân số cả nước, 46,6% lực lượng lao động xã hội¹; hoạt động nông nghiệp của nông dân hiện đang là nguồn sinh kế chính của hơn 60% dân số cả nước, có ảnh hưởng trực tiếp đến hơn 2/3 số hộ gia đình sống ở nông thôn, nơi có 44% số hộ nông nghiệp thuộc diện khó khăn và có nguy cơ tiềm ẩn tái nghèo (Nguyễn Quốc Thái,

2014). Do vậy, khả năng thích ứng của nông dân với quá trình phát triển kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thúc đẩy nông nghiệp phát triển, tiếp tục công cuộc xóa đói, giảm nghèo, giữ vững ổn định chính trị, xã hội trong nước.

Tuy nhiên, thực tiễn những năm qua cho thấy, nông dân là nhóm xã hội ít có khả năng tận dụng các cơ hội phát triển, khả năng tự thích ứng, tự bảo vệ thấp nhất, do vậy thường chịu nhiều tác động tiêu cực trước những thay đổi của môi trường kinh doanh, đặc biệt là trước những biến động lớn, mang tính sốc. Trong bối cảnh đó, sự hỗ trợ từ phía Nhà nước có ý nghĩa quan trọng để nông dân thích ứng với những thay đổi nói trên.

Với những lí do nêu trên, bài viết tập trung làm rõ những khó khăn, thách thức đối với nông dân trong phát triển sản xuất nông nghiệp và nguyên nhân, tìm kiếm giải pháp hỗ trợ từ phía Nhà nước để nông dân Việt Nam tận dụng tốt hơn những thuận lợi, thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức để phát triển sản xuất trong điều kiện Việt Nam đẩy mạnh phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng.

2. Những khó khăn, thách thức đối với nông dân trong phát triển sản xuất nông nghiệp và nguyên nhân

Thứ nhất, nông dân Việt Nam bị mất thị phần một số loại nông sản ngay ở thị trường nội địa.

Với việc mở cửa thị trường, giảm thuế nhập khẩu đối với các mặt hàng nông sản, nông sản của Việt Nam phải cạnh tranh với nông sản của các quốc gia khác ngay trên thị trường nội địa. Trong điều kiện giá thành sản xuất của phần lớn nông sản cao hơn nông sản ngoại nhập, chất lượng sản phẩm lại thấp hơn, thị phần nhiều nông sản của Việt Nam (sản phẩm gia súc, gia cầm, gạo, ngô, đậu tương, hoa quả...) bị thu hẹp ngay trên sân nhà². Chẳng hạn, đối với chăn nuôi gia súc, gia cầm: năng suất sản phẩm trong ngành chăn nuôi ở nước ta hiện thấp hơn rất nhiều so với các nước trong khu vực và trên thế giới (trừ nuôi trồng một số loại thủy sản). Trong chăn nuôi lợn, trọng lượng lợn xuất chuồng của Việt Nam chỉ đạt 70kg hơi (với thời gian nuôi 6-8 tháng), chỉ tiêu này của thế giới là 100-120 kg hơi (với thời gian nuôi 5-6 tháng); trong chăn nuôi bò thịt, trọng lượng bò giết mổ của Việt Nam chỉ khoảng 300kg hơi (với thời gian nuôi 27 tháng), chỉ tiêu này của thế giới là 500 kg hơi (với thời gian nuôi 15 tháng). Trong khi đó, chi phí sản xuất các sản phẩm chăn nuôi ở Việt Nam lại cao hơn rất nhiều. Hơn nữa, chi

phí sản xuất các sản phẩm chăn nuôi ở Việt Nam cao nên lợi nhuận của người chăn nuôi thấp, không đủ tích lũy để tái đầu tư, nâng cao trình độ khoa học, công nghệ. Điều này sẽ đẩy những người chăn nuôi bò, lợn và gia cầm vào tình thế bị mất thị phần ngay ở thị trường nội địa khi Việt Nam thực hiện đầy đủ các cam kết mở cửa thị trường (Nguyễn Quốc Thái, 2014).

Thứ hai, mặc dù có cơ hội thuận lợi hơn trong tiếp cận thị trường các nước, nhưng nông dân Việt Nam vẫn gặp rất nhiều khó khăn và thua thiệt trong cạnh tranh với nông dân của các nước trong tiêu thụ nông sản trên thị trường quốc tế.

Năng suất cây trồng, vật nuôi ở Việt Nam thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực và trên thế giới³. Chẳng hạn, năng suất dưa ở nước ta hiện mới đạt 13 tấn/ha, thì bình quân trên thế giới là 40-50 tấn/ha, ở Hawaii là 80-90 tấn/ha. Ngay cả một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam cũng có năng suất thấp hơn so với nhiều nước. Ví dụ, so với Indonesia, Trung Quốc, năng suất lúa của Việt Nam mới bằng 80%. Chi phí sản xuất nhiều mặt hàng nông sản ở Việt Nam cũng rất cao và cao hơn mức trung bình của thế giới (Nguyễn Quốc Thái, 2014).

Do vậy, năng suất lao động nông nghiệp của Việt Nam thấp hơn so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới.

Bên cạnh đó, nguồn bệnh từ thực phẩm và dư lượng chất độc hại trong các nông sản hiện chiếm tỷ lệ rất cao, vượt mức tối đa cho phép của các nước nhập khẩu, thậm chí nhiều lần. Theo số liệu của Ngân hàng Thế giới (2013), trong những năm gần đây, mỗi năm ngành nông nghiệp Việt Nam phải chịu thiệt hại khoảng 1 tỉ USD vì sự suy giảm sản xuất, mất thị trường xuất khẩu do không tuân thủ các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động vật của nước nhập khẩu.

Ngoài ra, nông dân Việt Nam cũng không có khả năng cung ứng nông sản với khối lượng lớn, chất lượng ổn định, đồng đều và đúng thời gian cho các thị trường ngoài nước.

Với năng suất, chất lượng, giá thành và khả năng cung ứng như vậy, nông dân Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn và thua thiệt trong tiêu thụ nông sản trên thị trường thế giới, chưa kể đến việc phải đối mặt với các biện pháp bảo hộ thị trường mà các nước thường áp dụng như trợ cấp, chống bán phá giá, hàng rào tiêu chuẩn kỹ thuật... Thực tế cho thấy, ngoài các mặt hàng chủ lực là gạo, thủy sản, cà phê, cao su, hồ tiêu, điều, các mặt hàng nông sản khác

của Việt Nam không có sản phẩm xuất khẩu hoặc có thị phần xuất khẩu không đáng kể, không ổn định. Hơn nữa, giá trị thu về từ xuất khẩu cũng không cao. Chẳng hạn, trong nhiều năm, sản lượng gạo xuất khẩu của nông dân Việt Nam đứng thứ hai sau Thái Lan, nhưng kim ngạch đứng thứ tư; sản lượng cao su xuất khẩu chỉ đứng sau Brazil, nhưng kim ngạch xuất khẩu xếp thứ năm.

Thứ ba, hiệu quả sản xuất nhiều mặt hàng nông sản không cao, thậm chí có chiều hướng giảm sút.

Trong những năm qua, hiệu quả sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là những ngành hàng có tỉ lệ sản phẩm xuất khẩu cao, có sự biến động thường xuyên theo quan hệ cung - cầu và giá cả quốc tế. Cụ thể, sự thay đổi thường xuyên, thậm chí có khi mức tăng, giảm của giá nông sản trên thị trường quốc tế đạt đến mức kỷ lục ảnh hưởng xấu đến giá nông sản trong nước. Từ đó gây nên tình trạng sản xuất chạy sau thị trường, nay trông, mai chặt bỏ gây tổn thất lớn cho nông dân. Chẳng hạn, từ đầu năm 2014 đến nay, giá mủ cao su khô liên tục giảm và hiện ở mức 24.000 đồng/kg, thấp hơn rất nhiều so với thời điểm giá cao nhất trong năm 2010 (khoảng 60.000 đồng/kg). Giá cá tra nguyên liệu năm 2014 không ổn định, lúc tăng cao (khoảng 26.000 đồng/kg vào tháng 4), lúc giảm thấp (khoảng 21.000 đồng/kg vào tháng 10) (Nguyễn Quốc Thái, 2014).

Trong khi đó, giá của nhiều mặt hàng công nghiệp đóng vai trò tư liệu sản xuất cho sản xuất nông nghiệp như phân bón, thuốc trừ sâu, thức ăn chăn nuôi, xăng, dầu... tăng nhanh liên tục và bất thường do phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu và thị trường thế giới đã làm rối loạn mặt bằng giá cả, làm cho giá đầu vào của sản xuất nông nghiệp liên tục tăng cao. Trong khi đó, giá bán nông sản lại không tăng theo kịp. Cùng với diễn biến bất lợi về dịch bệnh, thiên tai, điều đó làm cho lợi nhuận từ sản xuất nông nghiệp giảm mạnh, thậm chí nhiều hộ nông dân càng sản xuất càng bị lỗ, làm không đủ ăn⁴.

Tình hình trên khiến cho người nông dân không thiết tha với đồng ruộng, đẩy nhiều nông dân ở nhiều vùng vào cảnh phải bán hoặc cầm cố ruộng đất, đi vay nặng lãi, bán lúa non, thậm chí trở thành những người làm thuê cho chủ mới. Đây là nguyên nhân trực tiếp đẩy hàng chục vạn nông dân ở đồng bằng sông Hồng, duyên hải miền Trung, đồng bằng sông Cửu Long... đổ về kiếm sống ở các đô thị, đi đào vàng, phá rừng, buôn lậu, gây ra những vấn đề kinh tế, xã hội, môi trường phức tạp...; dẫn đến tình

trạng lao động nông nghiệp bị già hóa và nữ hóa.

Thứ tư, những tác động tiêu cực đến môi trường sinh thái và sức khỏe cộng đồng từ sản xuất nông nghiệp.

Việc luân canh, tăng vụ, sử dụng nguồn nước, chất kích thích tăng trưởng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chất bảo quản, phụ gia trong chế biến... của nông dân cũng bộc lộ nhiều bất cập: Việc luân canh, tăng vụ một cách liên tục và thiếu khoa học đã làm thoái hóa đất. Bên cạnh đó, tình trạng sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chất kích thích tăng trưởng, nguồn nước, các chất phụ gia trong bảo quản, chế biến... một cách thiếu hiểu biết đã làm ô nhiễm môi trường nước, đất, không khí, làm tăng dư lượng các chất độc hại trong nhiều loại nông sản⁵, tác động tiêu cực đến sức khỏe và đời sống cộng đồng.

Những vấn đề nói trên do một số nguyên nhân sau:

Quy hoạch phát triển nông nghiệp bộc lộ nhiều hạn chế.

Cho đến nay, nhiều quy hoạch phát triển nông nghiệp ở Việt Nam xa rời thực tế, hoặc chỉ mang tính thăm dò hay thử nghiệm, thiếu tính hệ thống và thiếu gắn kết với sự phát triển của các ngành nghề và lĩnh vực khác, đặc biệt là kết cấu hạ tầng, công nghiệp chế biến và thị trường... Minh chứng điển hình là các dự án trồng cà phê, cao su, thanh long, dưa hấu, nuôi trồng thủy sản...

Những bất cập nói trên đã dẫn đến sự phát triển tự phát và đột phát của ngành nông nghiệp, làm mất cân đối cung - cầu và làm phát sinh các hiện tượng tiêu cực như ép cấp, ép giá, “được mùa thì rớt giá”, “trồng rồi lại chặt, chặt rồi lại trồng”..., gây thiệt hại lớn cho người nông dân (Nguyễn Quốc Thái, 2014).

Quy mô sản xuất của kinh tế hộ còn nhỏ bé.

Điều này thể hiện qua quy mô sử dụng đất và số đầu vật nuôi. Đất sản xuất nông nghiệp của hộ nông dân nhỏ bé, manh mún, phân tán. Tổng cục Thống kê (2012) cho biết, năm 2011 quy mô đất của hộ hầu như không thay đổi so với năm 2006. Đến năm 2011, vẫn còn 69% số hộ sử dụng đất sản xuất nông nghiệp có quy mô dưới 0,5 ha (giảm không đáng kể so với mức 68,8% của năm 2006); 34,7% số hộ có quy mô dưới 0,2 ha⁶. Số đầu vật nuôi của hộ cũng không lớn. Chẳng hạn, tính đến 01/7/2011, cả nước có 4,13 triệu hộ chăn nuôi lợn. Trong đó, 3,6 triệu hộ nuôi dưới 10 con, chiếm 87,2% tổng số hộ chăn nuôi. Đặc biệt, số hộ nuôi 1-2 con vẫn chiếm trên 50% tổng số hộ chăn nuôi; số hộ nuôi 1-5 con chiếm

77,5% tổng số hộ chăn nuôi.

Quy mô sản xuất nhỏ bé là một trong những nguyên nhân quan trọng làm cho năng suất và tốc độ tăng trưởng nông nghiệp, khả năng cạnh tranh và chất lượng nông sản⁷ của nước ta thấp hơn nhiều so với nhiều nước khác có điều kiện tự nhiên tương đồng.

Kết cấu hạ tầng phục vụ nông nghiệp, nông thôn yếu kém, thiếu đồng bộ.

Hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ nông nghiệp, nông thôn yếu kém, chất lượng thấp và xuống cấp là “nút thắt cổ chai” hạn chế sự phát triển của nông nghiệp. Chẳng hạn, ở nhiều vùng nông thôn, đặc biệt là ở vùng núi, vùng sâu, vùng xa, hệ thống giao thông đường bộ đang bộc lộ những bất cập cả về chiều rộng, chiều dài cũng như chất lượng và sự đồng bộ giữa các loại công trình kết cấu hạ tầng,... không bảo đảm khả năng lưu thông hàng hoá, vật tư đầu vào cho sản xuất nông nghiệp cũng như nông sản làm ra một cách thông suốt và thuận tiện (Nguyễn Quốc Thái, 2014).

Ngoài ra, hệ thống kết cấu hạ tầng của Việt Nam (xét theo các yếu tố chủ yếu như viễn thông, điện lực, giao thông, cảng biển và sân bay) cũng yếu kém hơn nhiều so với các nước ASEAN (chỉ hơn Lào, Campuchia). Trong khi đó, nhiều quốc gia thuộc khối này có các mặt hàng nông sản tương đối giống Việt Nam (Nguyễn Quốc Thái, 2014).

Trình độ sản xuất của nông nghiệp Việt Nam còn yếu kém.

Sự yếu kém về trình độ sản xuất nông nghiệp thể hiện ở tất cả các khâu của quá trình này như giống, làm đất, cơ cấu phân bón, phương pháp diệt trừ sâu bệnh, thu hoạch, chế biến, bảo quản...

Trong những năm qua, việc ứng dụng khoa học, công nghệ, máy móc trong các khâu sản xuất nông nghiệp ở nước ta có nhiều tiến bộ. Tuy nhiên, sự tiến bộ này diễn ra không đồng đều giữa các ngành và lĩnh vực sản xuất nông nghiệp⁸, và nhìn tổng thể phương thức trồng trọt, chăn nuôi vẫn chủ yếu là thủ công, “lấy công làm lãi”⁹ và làm theo kinh nghiệm. Tỷ lệ đóng góp của nhân tố năng suất tổng hợp (TFP) còn rất thấp. Thậm chí trong một số sản phẩm, mức đóng góp của khoa học, công nghệ vào tăng sản lượng có xu hướng giảm.

Chất lượng lao động nông nghiệp thấp.

Tổng cục Thống kê (2012) cho biết, số người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật từ sơ cấp trở lên năm 2011 chiếm 11,2% (năm 2006 là 8,2%; năm 2001 là

6,2%). Trong đó, trình độ trung cấp là 4,3% (năm 2006 là 3%; năm 2001 là 2,5 %); trình độ đại học là 2,2% (năm 2006 là 1,1%; năm 2001 là 0,7%). Thực tế đó cho thấy, mặc dù có những chuyển biến tích cực nhưng nhìn chung phần lớn lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là các lao động thủ công, theo kinh nghiệm, chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất hàng hoá trong nền kinh tế thị trường.

Nông dân Việt Nam thiếu vốn phát triển sản xuất.

Đại bộ phận nông dân Việt Nam thiếu vốn phát triển sản xuất, trong khi đó khả năng tiếp cận ngân hàng để vay vốn lại rất hạn chế do không có tài sản thế chấp, trình độ kiến thức yếu kém và tính rủi ro cao của sản xuất nông nghiệp... hoặc khối lượng vốn được vay, thời hạn cho vay không phù hợp với chu kỳ sinh trưởng của cây trồng, vật nuôi. Do vậy, khả năng đầu tư mở rộng sản xuất; đổi mới giống cây trồng, vật nuôi; ứng dụng máy móc và công nghệ mới vào sản xuất rất hạn chế. Đặc biệt, do thiếu vốn nên để có vốn đầu tư phát triển sản xuất vụ mùa tiếp theo hoặc có tiền trang trải các khoản nợ ngân hàng, nông dân phải bán nông sản một cách ồ ạt ngay sau thu hoạch. Điều này đã làm cho giá nông sản giảm mạnh mỗi khi vào vụ thu hoạch (Nguyễn Quốc Thái, 2012).

Quản lý nhà nước đối với thị trường vật tư nông nghiệp còn nhiều yếu kém.

Quản lý nhà nước đối với thị trường vật tư nông nghiệp còn nhiều yếu kém. Do vậy, giá vật tư nông nghiệp diễn biến phức tạp theo chiều hướng bất lợi cho sản xuất¹⁰, tình trạng kinh doanh thức ăn chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật giả, kém chất lượng, thuốc bảo vệ thực vật thuộc danh mục cấm sử dụng... diễn ra khá phổ biến, làm ảnh hưởng tiêu cực đến năng suất, chất lượng, giá thành và sức cạnh tranh của nông sản hàng hóa, gây thiệt hại lớn cho người nông dân (Nguyễn Quốc Thái, 2014).

Công tác quản lý chất lượng hàng nông sản chưa được quan tâm đúng mức.

Trong những năm qua, công tác quản lý chất lượng hàng nông sản chưa được chú trọng và thiếu đồng bộ ở tất cả các khâu của quá trình sản xuất, thậm chí bị buông lỏng. Do vậy, tình trạng lạm dụng chất kích thích tăng trưởng, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc kháng sinh, chất bảo quản và phụ gia độc hại... trong sản xuất và chế biến nông sản diễn ra phổ biến và nghiêm trọng (Nguyễn Quốc Thái, 2014).

Các hợp tác xã nông nghiệp chưa thực hiện tốt vai trò hỗ trợ kinh tế hộ phát triển.

Tổng cục Thống kê (2013) cho biết, năm 2012 cả nước có 7.004 hợp tác xã nông, lâm nghiệp và thủy sản đang hoạt động. Nhìn chung, sau nhiều nỗ lực đổi mới, hoạt động của các hợp tác xã đã có chuyển biến tích cực. Nhiều hợp tác xã đã làm được một số khâu dịch vụ cơ bản phục vụ sản xuất nông nghiệp, đóng vai trò tích cực trong chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, xoá đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới... Tuy nhiên, nhìn tổng thể, việc phát triển hợp tác xã nông, lâm nghiệp và thủy sản còn chậm, không đều giữa các vùng, chưa tương xứng với yêu cầu phát triển nông nghiệp sản xuất hàng hoá, vai trò của hợp tác xã trong hỗ trợ phát triển kinh tế hộ còn mờ nhạt.

Vai trò của Hội Nông dân và các hiệp hội ngành hàng trong việc hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất còn mờ nhạt.

Trong nền kinh tế thị trường, đặc biệt là trong bối cảnh Việt Nam hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng, Hội Nông dân và các hiệp hội ngành hàng có vai trò rất quan trọng trong việc hỗ trợ hội viên phát triển kinh tế. Tuy nhiên, do thiếu kinh phí, trình độ cán bộ hạn chế nên Hội Nông dân và các hiệp hội ngành hàng chưa làm tốt vai trò người hỗ trợ, người đại diện quyền lợi hợp pháp của nông dân trong việc giải quyết các vấn đề liên quan như phát triển sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, kiến nghị chính sách...

Bảo hiểm nông nghiệp chưa phát triển.

Hiện tại, bảo hiểm nông nghiệp mới chỉ được thực hiện cho một số loại cây trồng, vật nuôi và với mức độ rất hạn chế. Điều này đã hạn chế khả năng chống đỡ của người nông dân trước những biến động về thị trường và thiên tai, dịch bệnh.

Những bất cập nói trên gây cản trở lớn đến việc phát triển nền nông nghiệp sản xuất hàng hoá, đồng thời tiếp tục đặt người nông dân vào thế bất lợi hơn nữa trong bối cảnh Việt Nam hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng.

Đầu tư của Nhà nước cho nông thôn, nông nghiệp và nông dân chưa tương xứng với vai trò của khu vực này trong nền kinh tế và chưa hiệu quả.

Vốn đầu tư của Nhà nước cho nông thôn, nông nghiệp và nông dân còn thấp so với vai trò quan trọng của khu vực này và so với yêu cầu phát triển¹¹. Theo Tổng cục Thống kê (2014), tổng vốn đầu tư phát triển thực hiện theo giá hiện hành cho nông nghiệp, nông thôn, thủy sản giai đoạn 2005-2013 là

363.896 tỉ đồng, chỉ chiếm 6% tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội. Trong tổng vốn đầu tư nói trên, vốn đầu tư của Nhà nước là 142.786 tỉ đồng, chiếm 39,23%, bằng 2,36% tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Tỷ trọng chi tiêu công cho nông nghiệp, nông thôn, thủy sản giai đoạn 2005-2013 là 6,05% so với tổng chi tiêu công của cả nước, thấp hơn nhiều so với mức bình quân trên thế giới. Bên cạnh đó, tình trạng đầu tư dàn trải, manh mún cùng với cơ chế quản lý yếu kém đã gây thất thoát, lãng phí, làm giảm hiệu quả của những đồng vốn đã rất nhỏ này.

Mặt khác, chính sách hỗ trợ tài chính của Nhà nước cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân cũng chưa đủ mạnh¹² và chưa đem lại hiệu quả thiết thực trong việc trợ giúp người nông dân vượt qua khó khăn để phát triển sản xuất. Chẳng hạn, chính sách thu mua tạm trữ lúa gạo¹³...

Đặc biệt, chính sách trợ giá là một chính sách được nhiều nước sử dụng để hỗ trợ người nông dân, nhưng ở Việt Nam người nông dân chưa được hưởng chính sách này. Ở các nước, chính phủ đã dành một khoản ngân sách thu được từ việc đóng thuế của các doanh nghiệp để trợ cấp cho nông dân. Nhờ đó, công nghiệp ở các nước này càng phát triển thì đời sống của nông dân cũng theo đó cũng được cải thiện. Trong khi đó ở nước ta, phát triển công nghiệp đã thu hẹp quỹ đất canh tác và đặt một bộ phận không nhỏ nông dân vào tình thế khó khăn.

3. Một số khuyến nghị nhằm hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất

Để góp phần hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất trong bối cảnh nước ta đẩy mạnh phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng, Nhà nước cần tập trung thực hiện một số giải pháp sau:

Đẩy mạnh công tác thông tin về hội nhập quốc tế cho nông dân.

Nhằm định hướng cũng như tạo sự chủ động cho người nông dân trong việc chuẩn bị, nâng cao năng lực cạnh tranh, xác định chiến lược sản xuất- kinh doanh thích ứng với môi trường kinh doanh, cần giúp họ hiểu rõ những gì có thể xảy ra trong quá trình hội nhập quốc tế của ngành nông nghiệp trong những năm tới, đặc biệt khi Việt Nam tham gia TPP. Theo đó, cần triển khai rộng và thường xuyên hơn các chương trình truyền thông thật sự khách quan cho họ về hội nhập quốc tế, về các cam kết mở cửa thị trường cũng như lộ trình thực hiện của Việt Nam, về các chương trình, kế hoạch hành động của các ngành liên quan đến việc thực thi các cam kết quốc

tế, về những thuận lợi, khó khăn, thách thức đang đặt ra đối với từng ngành hàng, từng mặt hàng...

Hoàn thiện quy hoạch phát triển nông nghiệp.

Quy hoạch lại sản xuất nông nghiệp trong cả nước theo hướng giảm tỷ trọng ngành trồng trọt, tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi, thủy sản và trên cơ sở xác định các mặt hàng nông sản chủ lực của từng vùng, miền và thị trường, gắn sản xuất với thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước, với công nghiệp chế biến và lợi thế cũng như điều kiện cụ thể của từng vùng, sử dụng đất nông nghiệp tiết kiệm, hiệu quả, duy trì diện tích đất lúa đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia trước mắt và lâu dài.

Hỗ trợ nâng cao trình độ văn hóa, tay nghề của nông dân.

Thực hiện các biện pháp tăng cường cơ hội tiếp cận giáo dục cho người dân nông thôn; tăng cường đào tạo nghề cho nông dân, gắn đào tạo nghề với các dự án, chương trình và nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp; đẩy mạnh tập huấn, trang bị kiến thức trồng trọt, chăn nuôi, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật- công nghệ vào sản xuất và chế biến sản phẩm¹⁴.

Thúc đẩy quá trình tích tụ, tập trung ruộng đất.

Trong bối cảnh ngành nông nghiệp Việt Nam hội nhập ngày càng sâu, rộng vào nền kinh tế thế giới, việc đẩy nhanh quá trình tích tụ, tập trung ruộng đất nhằm tạo ra những vùng sản xuất rộng lớn với quy mô hợp lý và chuyên canh là một yêu cầu cấp thiết để phát triển nông nghiệp. Theo đó, cần: Mở rộng mức hạn điền nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho những nông dân sản xuất giỏi có thể mở rộng quy mô đất sản xuất theo hướng gia trại, trang trại. Điều chỉnh thời gian và phương thức giao đất để người nông dân yên tâm bỏ vốn đầu tư cải tạo đất, đồng thời tạo thuận lợi cho việc chuyển đổi và chuyển nhượng đất. Thúc đẩy phát triển thị trường quyền sử dụng đất nông nghiệp. Thúc đẩy phát triển ngành nghề phi nông nghiệp ở nông thôn để thu hút lao động nông nghiệp, tạo thuận lợi cho quá trình tập trung và tích tụ ruộng đất.

Hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ nông nghiệp, nông thôn.

Đầu tư phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là hệ thống đường giao thông nông thôn, hệ thống đường giao thông kết nối các vùng sản xuất nông nghiệp với thị trường tiêu thụ; hệ thống thủy lợi; hệ thống điện; hệ thống chợ; hệ thống kho chứa và bảo quản;

hệ thống đảm bảo thông tin liên lạc. Bên cạnh đó, việc phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ nông nghiệp, nông thôn phải dựa trên quy hoạch tổng thể, dài hạn, không đầu tư dàn trải, chắp vá và phải đảm bảo sự phát triển bền vững của cả khu vực nông nghiệp, nông thôn, kể cả ở vùng núi, vùng sâu, vùng xa.

Tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất nông nghiệp.

Đẩy nhanh quá trình chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất nhằm tạo đột phá về năng suất, chất lượng, an toàn thực phẩm. Theo đó, cần tập trung vào cả ba khâu là nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và tập trung cho một số lĩnh vực cơ bản như giống, công nghệ sinh học, cơ giới hóa nông nghiệp phục vụ gieo sạ, thu hoạch, phơi sấy và bảo quản sản phẩm sau thu hoạch.

Bên cạnh đó, cần kiện toàn công tác khuyến nông theo hướng khuyến khích mọi thành phần trong xã hội (nhà nước, các tổ chức đoàn thể, doanh nghiệp và nông dân) tham gia khuyến nông. Đổi mới nội dung và phương pháp khuyến nông nhằm tạo điều kiện cho nông dân tiếp thu và áp dụng thành công tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp. Đào tạo, lựa chọn đội ngũ khuyến nông viên giỏi. Xây dựng các điểm thông tin khoa học, công nghệ, thị trường... trên địa bàn các xã để giúp người dân nông thôn tiếp cận nhanh với các thông tin cần thiết.

Tạo điều kiện để các hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp thực hiện tốt vai trò “bà đỡ” cho kinh tế hộ phát triển.

Trước hết, đẩy mạnh tuyên truyền, vận động để nông dân nhận thức đúng đắn về lợi ích và vai trò của hợp tác xã trước yêu cầu phát triển nông nghiệp sản xuất hàng hóa, đặc biệt là trước sức ép cạnh tranh ngày càng gia tăng trên thị trường nông sản trong và ngoài nước. Ngoài ra, cần tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý và nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ hợp tác xã, đồng thời thực hiện các chính sách đãi ngộ thỏa đáng để thu hút cán bộ giỏi về công tác tại hợp tác xã. Tạo điều kiện để các hợp tác xã có đất để xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở sản xuất - kinh doanh; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất đã cấp cho HTX. Hỗ trợ hợp tác xã tiếp cận các nguồn vốn, trợ giúp kỹ thuật và chuyển giao công nghệ, phát triển thị trường, xúc tiến thương mại... Hình thành quỹ hỗ trợ phát triển, quỹ bảo lãnh tín dụng cho hợp tác xã.

Kiện toàn quản lý nhà nước đối với thị trường

vật tư nông nghiệp.

Tăng cường thanh, kiểm tra các cơ sở sản xuất - kinh doanh vật tư nông nghiệp. Nâng cao khung hình phạt đối với các hành vi sản xuất - kinh doanh vật tư nông nghiệp giả, kém chất lượng. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, đồng thời bố trí cán bộ thanh tra chuyên ngành đến tận địa bàn huyện, xã. Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn nhằm nâng cao khả năng tự bảo vệ của người nông dân trước tình trạng vật tư nông nghiệp giả, kém chất lượng, đồng thời nâng cao tính tích cực và khả năng của họ trong việc hợp tác với các cơ quan chức năng phát hiện các hành vi vi phạm trong sản xuất - kinh doanh vật tư nông nghiệp.

Hoàn thiện quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm.

Trước hết, cần tăng cường thực thi Hiệp định về áp dụng các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động, thực vật của WTO. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh tuyên truyền về vệ sinh an toàn thực phẩm cho người sản xuất và người tiêu dùng. Tăng cường kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm đối với nông sản. Thực hiện các biện pháp hỗ trợ người sản xuất cải thiện chất lượng vệ sinh thực phẩm để bảo đảm an toàn cho người tiêu dùng trong nước và đáp ứng các tiêu chuẩn xuất khẩu.

Hỗ trợ xúc tiến thương mại.

Hướng dẫn và hỗ trợ các tổ chức, cá nhân xây dựng thương hiệu cho những loại cây trồng, vật nuôi chủ lực có hiệu quả kinh tế cao. Hỗ trợ tiếp cận thị trường thông qua hỗ trợ tổ chức hội chợ triển lãm hàng nông nghiệp, hỗ trợ tìm hiểu, tiếp cận và mở rộng thị trường ngoài nước...

Thực hiện các biện pháp bình ổn giá đối với một số yếu tố đầu vào và đầu ra của sản xuất nông nghiệp.

Khuyến khích phát triển các ngành tạo ra các yếu tố đầu vào quan trọng của sản xuất nông nghiệp (phân bón, thuốc trừ sâu, thức ăn gia súc...) nhằm giảm thiểu sự phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu. Bên cạnh đó, cần tạo nguồn dự trữ và hình thành quỹ bình ổn giá các loại vật tư quan trọng ở các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung quy mô lớn nhằm nâng cao khả năng ứng phó với những biến động bất thường của thị trường các loại vật tư này.

Đối với một số sản phẩm nông nghiệp quan trọng như thóc, gạo, cần thực hiện các biện pháp ổn định giá nhằm vừa bảo hộ sản xuất, vừa bảo vệ người tiêu dùng thông qua các biện pháp thu mua tạm trữ và quy định giá nền, giá trần trong cả nước theo hướng khuyến khích sản xuất nông nghiệp.

Thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn.

Bên cạnh việc thúc đẩy phát triển các ngành sản xuất vật tư, máy móc thiết bị cho nông nghiệp, nông thôn, cần thúc đẩy phát triển công nghiệp chế biến nông sản để nâng cao hàm lượng giá trị gia tăng của nông sản, giảm tổn thất sau thu hoạch... thông qua việc đổi mới chính sách đất đai, thuế, cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính... nhằm thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước vào lĩnh vực này.

Nâng cao năng lực hoạt động của Hội Nông dân và các hiệp hội ngành hàng.

Để nâng cao năng lực hoạt động của Hội Nông dân và các hiệp hội ngành hàng, cần sớm ban hành luật về hiệp hội để hiệp hội thực sự trở thành tổ chức đại diện cho tiếng nói và quyền lợi của các thành viên. Bên cạnh đó, cần tăng cường hỗ trợ về đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ, kỹ năng hoạt động của đội ngũ cán bộ hiệp hội.

Thúc đẩy phát triển bảo hiểm nông nghiệp.

Thúc đẩy phát triển bảo hiểm nông nghiệp, mở rộng diện các sản phẩm nông nghiệp được bảo hiểm thông qua một số biện pháp như hỗ trợ một phần phí bảo hiểm cho người tham gia bảo hiểm; thực hiện chính sách ưu đãi về thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm nông nghiệp; chia sẻ trách nhiệm với doanh nghiệp trong trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ bảo hiểm đối với nông dân - doanh nghiệp chỉ trả một phần nghĩa vụ bảo hiểm theo hợp đồng đã ký, phần còn lại do Nhà nước đảm nhận...

Nâng cao tỉ lệ đầu tư của Nhà nước cho nông thôn, nông nghiệp và nông dân.

Nâng mức hỗ trợ lên cao hơn hiện nay đối với các chính sách hỗ trợ phù hợp với quy định của WTO, bao gồm: đầu tư, hỗ trợ cho nghiên cứu khoa học - công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, khuyến nông, bảo vệ thực vật và thú y, phòng chống và kiểm soát dịch bệnh; xây dựng kết cấu hạ tầng; công nghệ sinh học, giống cây trồng và vật nuôi; đầu tư ưu đãi cho một số ngành hàng cạnh tranh yếu theo quy định.

Bên cạnh đó, cần khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, thất thoát, lãng phí, tham nhũng trong việc sử dụng vốn ngân sách nhà nước thông qua việc xác định rõ trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận trong sử dụng nguồn vốn này, đồng thời tăng cường giám sát cũng như đổi mới phương thức đầu tư theo hướng công khai, minh bạch, thông qua đấu thầu, có sự giám sát của cộng đồng dân cư nông thôn. □

Ghi chú:

1. Tổng cục Thống kê, 2014.
2. Theo Tổng cục Thống kê (2011), 22,4% trang trại gặp khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm.
3. Trừ cà phê.
4. Theo kết quả Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản 2011: Trang trại vùng đồng bằng sông Cửu Long có hiệu quả kinh doanh thấp hơn kinh tế hộ. Hiệu quả kinh doanh của các hợp tác xã nông, lâm, thủy sản cũng rất thấp; doanh thu và lợi nhuận trước thuế bình quân hàng năm của 1 lao động mới đạt 38,3 triệu đồng và 3,7 triệu đồng; thu nhập hàng tháng bình quân của 1 lao động chỉ đạt 293 nghìn đồng. Nếu loại trừ yếu tố trượt giá thì các chỉ tiêu về kết quả sản xuất và lợi nhuận của các hợp tác xã nông, lâm, thủy sản năm 2010 giảm so với năm 2005. Tỷ lệ hộ nghèo đói trong nông dân còn rất lớn, hiện chiếm 17-18% tổng số nông hộ. Thu nhập của đa số các hộ nông dân vẫn còn ở mức giáp ranh nghèo đói.
5. Minh chứng cho điều này là tình trạng ngộ độc thực phẩm tập thể diễn ra nghiêm trọng trong nhiều năm qua cũng như tình trạng nhiều lô nông sản xuất khẩu của Việt Nam bị các nhà nhập khẩu Nhật Bản, EU, Mĩ, Nga... từ chối do không đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm.
6. Trong khi đó, bình quân đất nông nghiệp của một hộ nông nghiệp ở Thái Lan là 3,2 ha, ở Lào là 1,6 ha, ở Trung Quốc là 1,6 ha (số liệu năm 2007).
7. Tốc độ tăng trưởng bình quân của ngành nông nghiệp Việt Nam trong 10 năm gần đây tuy cao gấp 1,5 lần so với những năm 1980, nhưng còn thấp so với Thái Lan, Trung Quốc ở thời kỳ phát triển tương đồng. Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu tuy đứng trên Lào, Campuchia và Bruney, nhưng chỉ bằng một nửa của Thái Lan, Indonesia và một phần ba của Myanmar.
8. Sản xuất lúa và thủy sản là những ngành có nhiều tiến bộ nhất trên phương diện này. Ở các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp khác, sự thay đổi diễn ra chậm chạp và ở mức độ thấp.
9. Ngay cả những loại nông sản xuất khẩu chủ lực như gạo, cà phê, cao su, chè, thủy sản..., về cơ bản, vẫn là sản phẩm từ lao động thủ công.
10. Nguồn cung nhiều vật tư nông nghiệp quan trọng như phân bón, thuốc bảo vệ thực vật... phụ thuộc rất lớn vào nhập khẩu và biến động của thị trường thế giới.
11. Nông thôn hiện là nơi sinh sống của hơn 67,81% dân số cả nước, tạo việc làm cho 69,9% lực lượng lao động xã hội, đóng góp khoảng 20% GDP của nền kinh tế.
12. Theo cam kết, tổng mức hỗ trợ gộp (AMS) của Việt Nam cho lĩnh vực nông nghiệp là 10% (hiện tương đương 1,2 tỉ USD). Tuy nhiên, toàn bộ hỗ trợ thực tế mà Việt Nam dành cho lĩnh vực này hiện nay chưa đến 3%, trong đó chủ yếu là những hỗ trợ thuộc hộ xanh.
13. Doanh nghiệp là đối tượng hưởng lợi chủ yếu từ các chính sách này.
14. Đầu tư cho khuyến nông ở Việt Nam hiện chỉ chiếm 0,13% GDP, trong khi các nước khác tỷ lệ này là 4%.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Quốc Thái (2012), 'Tín dụng hỗ trợ xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam - Một số vấn đề lý thuyết', Đề tài khoa học cấp Cơ sở, Học viện CTHCQG Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Quốc Thái (2014), 'Kinh nghiệm phát triển kinh tế nông thôn ở một số quốc gia châu Á và bài học rút ra cho Việt Nam', Đề tài khoa học cấp Cơ sở, Học viện CTQG Hồ Chí Minh.
- Tổng cục Thống kê (2012), *Kết quả Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2011*, Hà Nội.
- Tổng cục Thống kê (2013), *Kết quả chính thức Tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp năm 2012*, Hà Nội.

Thông tin tác giả:

***Nguyễn Quốc Thái, Tiến sĩ**

- Tổ chức tác giả công tác: Viện Kinh tế - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Khoa học quản lý, chính sách công, quản lý nhà nước về kinh tế

- Một số tạp chí đã từng đăng tải công trình nghiên cứu: *Kinh tế và Dự báo, Quản lý kinh tế, Nghiên cứu kinh tế*

- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ Email: thaipht@outlook.com